

CƠ CHẾ THỬ NGHIỆM CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP CÓ VỐN ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI: THỰC TRẠNG VÀ KIẾN NGHỊ CHO VIỆT NAM

Trần Đức Lợi *

Tóm tắt: Cơ chế thử nghiệm chính sách (regulatory sandbox) là một xu thế tất yếu trong thiết kế chính sách linh hoạt của các quốc gia nhằm thu hút đầu tư nước ngoài. Sự phát triển nhanh chóng của công nghệ nói chung, công nghệ hội tụ số nói riêng, kinh tế số, kinh tế chia sẻ,... và nhu cầu thực tiễn đã phát sinh rất nhiều mô hình kinh doanh mới, mà pháp luật nhiều quốc gia chưa kịp đưa ra các quy định điều chỉnh phù hợp. Với kỳ vọng quản trị rủi ro chính sách, việc đưa ra một cơ chế thử nghiệm chính sách cho mô hình kinh doanh mới chính là bảo đảm sự tự do trong kinh doanh, đồng thời cũng tạo động lực cần thiết cho nhà đầu tư nước ngoài cũng như doanh nghiệp trong nước nghiên cứu, ứng dụng công nghệ có giá trị gia tăng cao cho quốc gia. Tuy nhiên, việc thiết kế và quản lý các cơ chế thử nghiệm chính sách luôn là thách thức không nhỏ đối với các cơ quan nhà nước của các quốc gia.

Từ khóa: Cơ chế thử nghiệm chính sách, regulatory sandbox, chính sách thu hút đầu tư, doanh nghiệp nước ngoài.

Abstract: The policy experimentation mechanism (regulatory sandbox) is an inevitable trend in countries' flexible policy design to attract foreign investment. The rapid development of technology in general, digital convergence technology in particular, digital economy, sharing economy... and practical needs have given rise to many new business models that are regulated by many countries' laws. The government has not promptly issued regulations for appropriate adjustments. With the expectation of policy risk management, introducing a policy testing mechanism for new business models is to ensure freedom in business; At the same time, it also creates the necessary motivation for foreign investors as well as domestic enterprises to research and apply technology with highly added value for the country. However, designing and managing policy testing mechanisms is always a significant challenge for national state agencies.

Keywords: Policy experimentation mechanism, regulatory sandbox, policy to attract investment, foreign businesses.

I. Tổng quan về cơ chế thử nghiệm chính sách

1.1. *Khái luận về cơ chế thử nghiệm*

Cơ chế thử nghiệm có nguồn gốc sâu xa từ phương pháp *thử và sai* trong logic

học, nó ra đời từ hoạt động thực tiễn của xã hội và giờ đây đã là một thuật ngữ có tính phổ biến trong đời sống xã hội. Theo nghĩa đen, “*sandbox*” là hộp cát, là khu vực nơi trẻ em có thể vui chơi trên đó ¹,

¹ Theo định nghĩa của từ điển Oxford Learner's.

* Thạc sĩ, Văn phòng Chính phủ.

còn theo nghĩa khác, cụ thể là trong công nghệ thông tin, khái niệm “sandbox” được sử dụng để chỉ một môi trường của hệ thống máy tính để kiểm tra tính an toàn của các phần mềm mới. Thuật ngữ này sau đó trở nên phổ biến ở các lĩnh vực kỹ thuật và chính sách với ý nghĩa tương tự nhằm thử nghiệm những yếu tố mới. Trong pháp luật, cơ chế thử nghiệm chính sách cho phép các công ty công nghệ tài chính thực hiện một thử nghiệm có giới hạn cho sản phẩm của họ với ít rào cản pháp luật hơn, ít rủi ro bị thực thi pháp luật, và nhận được tự hướng dẫn liên tục từ phía cơ quan ban hành pháp luật². Không chỉ đối với các công ty công nghệ tài chính mà cơ chế thử nghiệm chính sách hiện nay còn được nhiều chính phủ quốc gia áp dụng với các công ty muốn đưa ra các mô hình kinh doanh mới vào thị trường, thường được áp dụng cho các dịch vụ chưa từng có tiền lệ hơn là hàng hóa. Chẳng hạn, công nghệ hội tụ số và mô hình kinh tế chia sẻ hiện đã làm thay đổi thói quen tiêu dùng cũng như tạo ra thị trường cho các dịch vụ kinh doanh phi truyền thống như dịch vụ vận tải trực tuyến: Uber, Grab, Gojek,... hay dịch vụ chia sẻ bất động sản: Airbnb, Luxstay,... mô hình mua trước trả sau, mô hình công nghệ y tế, mô hình công nghệ tài chính, mô hình công nghệ bất động sản và cả mô hình xe ô tô tự vận hành,... Sự ra đời của các siêu ứng dụng, như Grab, hay Shopee,

là những ứng dụng di động cung cấp nhiều loại dịch vụ khác nhau, thông qua một giao diện di động duy nhất khiến cho việc định danh, phân loại một mô hình kinh doanh kiểu mới là điều không dễ dàng.

Cơ chế thực nghiệm, kể cả thực nghiệm chính sách thường gắn với sự đổi mới và sáng tạo. Có thể thấy, tất cả các mô hình kinh doanh kể trên đều có tính mới, chưa từng xuất hiện trên thị trường; chính vì vậy, chúng ta không thể ứng xử với chúng tương tự như đối với các mô hình kinh doanh truyền thống. Cơ chế thử nghiệm được tạo ra trước hết với mục đích là kiểm soát rủi ro và nhìn chung, các cơ chế thử nghiệm đều dẫn đến việc miễn trừ giấy phép, thủ tục hành chính rườm rà và giảm nhẹ các điều kiện kinh doanh³. Các quốc gia khó có thể đánh giá được rủi ro của mô hình kinh doanh mới so với các mô hình truyền thống nếu không thử nghiệm nó trong thực tế khi các mô hình kinh doanh mang tính công nghệ sẽ gây ra tác động đáng kể vào thị trường chẳng hạn như báo điện tử đã hầu như thay thế báo giấy. Bên cạnh đó, các sản phẩm, dịch vụ mới ứng dụng công nghệ không phải lúc nào cũng vi phạm các quy định pháp luật, hay bị cấm bởi pháp luật mà đôi khi chỉ là do tính mới nên chưa có nhiều đánh giá đầy đủ về chúng. Do đó, cần có một khung pháp lý nhằm xây dựng cơ chế thử nghiệm cho mô hình kinh doanh sản phẩm

² Hilary J. Allen (2019), “Regulatory sandboxes”, George Washington Law Review Vol 87 No 3, tr. 579.

³ Bromberg, Lev; Godwin, Andrew; Ramsay, Ian (2017), “Fintech Sandboxes: Achieving a Balance between Regulation and Innovation”, Journal of Banking and Finance Law and Practice, Vol.28, No. 4, pp. 314-336.

dịch vụ mới để mô hình kinh doanh đó có thể bộc lộ toàn bộ tính chất của nó khi đưa vào hoạt động trên thị trường cũng như để cơ quan quản lý Nhà nước có thể hiểu về bản chất và ưu điểm, hoặc bất cập của mô hình đó. Theo Ngân hàng Thế giới ⁴, cơ chế thử nghiệm hiện nay bao gồm bốn cơ chế chính và một cơ chế thử nghiệm có thể bao gồm nhiều cơ chế thành phần trong này:

- *Cơ chế thử nghiệm tập trung vào chính sách*: mục tiêu của cơ quan quản lý là đánh giá được các quy định, hoặc chính sách cụ thể;

- *Cơ chế thử nghiệm tập trung vào sản phẩm, hoặc đổi mới sáng tạo*: cơ chế này khuyến khích đổi mới, sáng tạo bằng cách giảm chi phí gia nhập thị trường, cho phép các công ty kiểm tra khả năng tồn tại trên thị trường của mô hình kinh doanh mới;

- *Cơ chế thử nghiệm chuyên đề*: tập trung vào một chủ đề đã được xác định với mục tiêu thúc đẩy việc áp dụng một chính sách, hoặc đổi mới, sáng tạo cụ thể, hoặc hỗ trợ phát triển một phân ngành cụ thể;

- *Cơ chế thử nghiệm xuyên biên giới*: hỗ trợ hoạt động và di chuyển xuyên biên giới của các công ty với mục tiêu hài hòa hóa quy định xuyên biên giới và tăng khả năng mở rộng quy mô cho các công ty ra khu vực, hoặc toàn cầu.

.....

Thực tế cho thấy, việc thực hiện cơ chế thử nghiệm chính sách luôn tiềm ẩn những thách thức không nhỏ, đồng thời cũng hứa hẹn tạo ra những hiệu quả to lớn trong hoạt động thực tiễn. Việc xây dựng và áp dụng các cơ chế thử nghiệm hiện nay đặt ra cho các quốc gia trên thế giới nhiều thách thức, trước hết liên quan đến bảo đảm tự do kinh doanh. Các cơ chế thử nghiệm đều có lợi điểm nói trên đối với các mô hình kinh doanh phi truyền thống. Tuy nhiên, nếu một quốc gia áp dụng quá nhiều và bừa bãi các cơ chế thử nghiệm lại tạo thành các rào cản đáng kể cho một doanh nghiệp mới gia nhập thị trường. Việc cần phải sử dụng quá nhiều các cơ chế thử nghiệm cho thấy sự không thông thoáng trong pháp luật của một quốc gia và đi ngược lại xu hướng tự do kinh doanh trong pháp luật quốc tế ⁵. Thêm vào đó, một cơ chế thử nghiệm khi được thiết kế cần thiết phải chặt chẽ trong công tác quản lý của cơ quan Nhà nước để kiểm soát rủi ro nhưng cũng phải đủ không gian cho mô hình đó bộc lộ được đầy đủ bản chất trong thời gian thử nghiệm. Ngoài ra, cần phải nhận thấy rằng, khung pháp lý cho các cơ chế thử nghiệm khác nhau phải tương xứng về phạm vi và thời gian, tạo ra sự công bằng trong kinh doanh. Trong vụ kiện Tecmed v. Mexico ⁶, hội đồng trọng tài cho rằng, quốc gia thành viên của Hiệp

⁴ Ngân hàng Thế giới (2020), “Global Experiences from Regulatory Sandboxes”, Fintech Note No. 8. World Bank, (<https://openknowledge.worldbank.org/handle/10986/34789>).

⁵ Nogal-Meger, P. (2018), “The quality of business legal environment and its relation with business freedom”, International Journal of Contemporary Management, 2018 (Numer 17 (2)), tr. 111-136.

⁶ Tecmed v. Mexico, ICSID Case số ARB (AF)/00/2.

định thương mại được yêu cầu có sự đổi xử không gây ảnh hưởng đến kỳ vọng chính đáng, mà nhà đầu tư đã có được để tiến hành đầu tư. Khi một doanh nghiệp tiến hành đầu tư một mô hình kinh doanh mới ở một quốc gia, thực hiện các quyền của mình một cách hợp pháp được bảo vệ bằng các hình thức khác nhau trước những quyết định, hành vi của cơ quan Nhà nước tác động đến quyền lợi của họ một cách đột ngột, không thể lường trước, hoặc không thể dự đoán được⁷. Như vậy, nhằm bảo đảm quyền lợi chính đáng cho nhà đầu tư, việc thiết kế khung pháp lý cho cơ chế thử nghiệm cần thiết phải được thiết kế một cách khoa học, hợp lý, dựa trên hiện thực khách quan để đảm bảo quyền lợi cho nhà đầu tư.

1.2. Các mô hình cơ chế thử nghiệm trên thế giới

Trên thế giới đã từng xuất hiện rất nhiều mô hình cơ chế thực nghiệm chính sách mà Việt Nam có thể nghiên cứu để xây dựng mô hình phù hợp cho nước ta, chẳng hạn như các mô hình sau đây:

Mô hình cơ chế thử nghiệm chính sách đầu tiên ra đời năm 2016 tại Vương quốc Anh do Cơ quan kiểm soát tài chính (Financial Conduct Authority – FCA) ban hành cho doanh nghiệp công nghệ tài chính⁸. Các mô hình của FCA nhằm mục đích thúc đẩy cạnh tranh hiệu quả hơn vì lợi ích của người tiêu dùng bằng cách cho phép các công ty thử nghiệm các sản phẩm, dịch vụ và mô hình kinh doanh sáng tạo trong môi trường thị trường trực tiếp; đồng thời, đảm bảo rằng các biện pháp bảo vệ thích hợp được áp dụng. Các công ty xin được áp dụng cơ chế thử nghiệm tại FCA sẽ chịu sự quản kiểm tra hai kỳ sáu tháng mỗi năm⁹.

Cùng thời điểm với Vương quốc Anh, Singapore cũng đưa ra cơ chế thử nghiệm chính sách nhằm tạo thuận lợi cho các công ty công nghệ tài chính kể từ năm 2016. Ngân hàng Trung ương Singapore là cơ quan chịu trách nhiệm ban hành Khung pháp lý về cơ chế thử nghiệm cho các doanh nghiệp công nghệ tài chính¹⁰. Đáng chú ý, cơ chế thử

⁷ Chamila S Tagalaga (2009), “The Scope of the doctrine of Legitimate Expectation as a ground of Jussdical review of Aministrative action”, The Bar Association Law Journal, Vol. XV – 2009.

⁸ Ahern, Deirdre M (2020), “Regulators Nurturing FinTech Innovation: Global Evolution of the Regulatory Sandbox as Opportunity Based Regulation”, European Banking Institute Working Paper Series – số. 60.

⁹ Financial Conduct Authority (2017), “Regulatory Sandbox Lessons Learned Report”. www.fca.org.uk/publication/research-and-data/regulatory-sandbox-lessons-learned-report.pdf (truy cập ngày 23/08/2022).

¹⁰ Monetary Authority of Singapore (2021). “Frequently Asked Questions On Mas Fintech Regulatory Sandbox Framework (“Sandbox”).<https://www.mas.gov.sg/-/media/MAS-Media-Library/development/Regulatory-Sandbox/FAQsNov2021.pdf?la=en&hash=075D18DC2B19 BD6BCB5A98D1B97466673 6F87553> (truy cập ngày 09/07/2022).

nghiệm của Singapore không áp dụng cho tất cả các doanh nghiệp, mà chỉ áp dụng cho các doanh nghiệp thỏa mãn các điều kiện và tiêu chí trong khung pháp lý quy định, một trong những tiêu chí quan trọng nhất trong khung đánh giá này là tính mới, hoặc tính sáng tạo. Thêm vào đó, điểm linh hoạt trong khung pháp lý thử nghiệm này là cơ quan quản lý có thể dựa trên các đặc điểm riêng của từng doanh nghiệp đăng ký để đưa ra các tiêu chuẩn và điều kiện áp dụng riêng.

Bên cạnh xây dựng khung pháp lý cho các cơ chế thử nghiệm trên thế giới, nhiều quốc gia còn xây dựng các khu vực an toàn cho các khởi nghiệp về tiền mã hóa và công nghệ chuỗi khối. Điển hình như Cộng hòa Liên bang Nga với ý tưởng xây dựng hòn đảo Bolshoi Ussuriysky ở Nga thành một “thiên đường thuế” cho tiền điện tử, giao dịch crypto và thị trường ngoại hối; hay Trung Quốc đã công bố kế hoạch xây dựng tân khu Hùng An thành một “Khu vực mới về kinh tế” với nền tảng là công nghệ chuỗi khối được sử dụng trong các lĩnh vực dịch vụ cộng đồng, khối dịch vụ công và các hoạt động kinh doanh ¹¹. Về bản chất, các khu vực an toàn này thực chất cũng là cơ chế thử nghiệm ở phạm vi rộng và khu vực thử nghiệm được tách biệt với các khu vực khác nhằm kiểm soát rủi ro, khác với các mô hình cơ chế thử nghiệm chính sách thông thường khi cho phép mô hình kinh doanh mới hoạt động trong song song với

các mô hình kinh doanh truyền thống.

Như vậy, có thể thấy rằng các quốc gia phát triển và đang phát triển trên thế giới đều có nhận thức về sự cần thiết để xây dựng các cơ chế thử nghiệm, đặc biệt trong lĩnh vực công nghệ tài chính – một lĩnh vực có tác động rất lớn đến tương lai thị trường tài chính toàn cầu nhưng lại khó quản lý và kiểm soát do việc luôn có đổi mới trong công nghệ. Ở một mức độ yêu cầu về sự đổi mới và cải cách cao hơn, Các Tiểu vương quốc Arab Thống nhất (UAE) vào tháng 04/2019 đã thành lập Bộ Khả thi (Ministry of Possibilities). Đây là một Bộ “ảo”, cơ quan này không có bộ trưởng và có bộ máy tổ chức đơn giản, gồm bốn bộ phận là Cục Dự đoán Tình hình, Cục Khen thưởng hành vi, Cục Tài năng UAE và Cục Mua sắm chính phủ. Bộ Khả thi *đại diện cho thể hệ tiếp theo của hoạt động chính phủ và giám sát các chức năng chính yêu cầu phải có các quyết định nhanh chóng, táo bạo và hiệu quả. Vai trò của Bộ bao gồm áp dụng tư duy thiết kế và thử nghiệm để phát triển các giải pháp chủ động và đột phá nhằm giải quyết các vấn đề quan trọng, tập hợp các nhóm chính quyền liên bang và chính quyền địa phương và khu vực tư nhân. Thông qua hoạt động của mình, Bộ sẽ thẩm thấu văn hóa trong đó những thách thức bất khả thi có thể được giải quyết một cách hiệu quả* ¹².

II. Thực trạng cơ chế thử nghiệm chính sách ở Việt Nam

¹¹ Chu Thị Hoa (2019). “Sandbox - cơ chế thử nghiệm áp dụng trong phạm vi hạn chế - kinh nghiệm quốc tế và một số gợi ý cho Việt Nam”. Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp số 16 (391).

¹² Ministry of Possibilities website, (<https://mop.gov.ae/>) (truy cập ngày 01/07/2022).

2.1. Khung pháp lý cho việc xây dựng cơ chế thử nghiệm chính sách ở Việt Nam

Cơ sở pháp lý và cơ sở thực tiễn là hai căn cứ quyết định để xây dựng nên mô hình thử nghiệm chính sách phù hợp ở bất kỳ quốc gia, hoặc ở bất kỳ tổ chức nào, kể cả Việt Nam. Thực tế cho thấy, ngay từ khi tham gia Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO), Việt Nam đã có nhiều thay đổi về mặt chính sách để phù hợp với các cam kết trong khuôn khổ WTO. Hiến pháp năm 2013 là một bước tiến khi ghi nhận “Mọi người có quyền tự do kinh doanh trong những ngành nghề mà pháp luật không cấm”¹³ và tinh thần này đã được chuyển hóa vào trong luật đầu tư số 67/2014/QH13 năm 2014 với việc thay đổi phương pháp tiếp cận chuyển đổi từ **chọn cho** (*positive approach*) nghĩa là chỉ làm được những gì pháp luật cho phép sang **chọn bỏ** (*negative approach*) nghĩa là có thể làm những gì pháp luật không cấm. Luật doanh nghiệp 2014 (sửa đổi bổ sung năm 2020) cũng ghi nhận tương tự khi quy định quyền của doanh nghiệp được “*Tự do kinh doanh ngành, nghề mà luật không cấm*”¹⁴. Luật đầu tư số 61/2020/QH14 cũng đồng thời đưa ra định nghĩa nghĩa về tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài là tổ chức

kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài là thành viên, hoặc cổ đông¹⁵. Như vậy, doanh nghiệp quy định tại luật doanh nghiệp 2014 (sửa đổi bổ sung năm 2020) ngoài doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn Việt Nam còn bao gồm cả doanh nghiệp nước ngoài, hoặc có vốn đầu tư nước ngoài. Từ đó, có thể nhận thấy rằng các nhà đầu tư nước ngoài đến Việt Nam có thể tự do kinh doanh ngành, nghề mà pháp luật không cấm.

Việt Nam cũng đã có nhận thức và nắm bắt xu thế của thế giới và định hướng về phát triển kinh tế chia sẻ. Cụ thể trong quyết định số 999/QĐ-TTg ngày 12/08/2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án thúc đẩy mô hình kinh tế chia sẻ, trong đó khái niệm cơ chế thử nghiệm chính sách mới đã được đề ra quan điểm việc triển khai và ứng dụng các công nghệ mới trong mô hình kinh tế chia sẻ¹⁶. Thêm vào đó, quyết định này cũng quy định việc có chính sách cho phép thử nghiệm trong phạm vi hẹp có thời hạn đối với các hoạt động cung cấp nền tảng có tính mới; tôn trọng tính mới, tính sáng tạo của hoạt động doanh nghiệp công nghệ/doanh nghiệp cung cấp nền tảng, khuyến khích khai thác lợi thế chia sẻ kết nối, lợi thế công nghệ¹⁷.

¹³ Điều 33, Hiến pháp 2013.

¹⁴ Khoản 1, điều 7, Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14.

¹⁵ Khoản 22, điều 3, Luật đầu tư số 61/2020/QH14.

¹⁶ Điểm d khoản 2 điều 1 Quyết định số 999/QĐ-TTg ngày 12/08/2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án thúc đẩy mô hình kinh tế chia sẻ.

¹⁷ Điểm d khoản 2 điều 1 Quyết định số 999/QĐ-TTg ngày 12/08/2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án thúc đẩy mô hình kinh tế chia sẻ.

Bên cạnh các quy định pháp luật quốc gia, Việt Nam có nghĩa vụ phải tôn trọng các điều ước quốc tế. Trong Hiệp định chung về thương mại dịch vụ (GATS), Tổ chức Thương mại Thế giới chỉ sử dụng phương pháp **chọn cho** khi xác định phạm vi cam kết, tức là các dịch vụ được đưa vào Biểu cam kết dịch vụ. Điều này có nghĩa là bên cam kết chỉ cam kết mở cửa thị trường cho các dịch vụ xuất hiện trong biểu và không có nghĩa vụ đối với những dịch vụ không được liệt kê trong biểu. Tuy nhiên, với các khuôn khổ đa phương thế hệ mới như Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương lại áp dụng phương pháp tiếp cận **chọn bỏ** với cam kết mở cửa thị trường dịch vụ - đầu tư¹⁸. Không những thế, Hiệp định này còn quy định việc áp dụng nguyên tắc “chỉ tiến không lùi” (*cơ chế ratchet*)¹⁹ tức là chỉ được điều chỉnh, thay đổi chính sách theo hướng tốt hơn mức đã áp dụng trước đó. Cơ chế ratchet trong CPTPP sẽ buộc Việt Nam thu hẹp dần dần danh mục các ngành, phân ngành bị hạn chế về mở cửa thị trường, điều này đồng nghĩa với việc theo thời gian sẽ có thêm nhiều ngành, phân ngành sẽ được cho phép tham gia thị trường.

Như đã phân tích ở trên, các mô hình kinh doanh hiện đại có tính mới đặt ra yêu cầu phải có khung pháp lý để giám sát, quản lý đồng thời cũng tạo ra cơ hội

và môi trường cởi mở cho doanh nghiệp nước ngoài phát triển. Chính vì yêu cầu tính mới và sự đột phá trong thiết kế chính sách cũng như ban hành văn bản quy phạm pháp luật có thể dẫn đến việc cán bộ, công chức Nhà nước có tâm lý ngại rủi ro trong lúc triển khai cơ chế thử nghiệm vì nếu cơ chế thử nghiệm thất bại dẫn đến thiệt hại thì có thể sẽ bị quy trách nhiệm trong công tác quản lý. Như vậy, có thể thấy các mô hình kinh doanh kiểu mới đặt ra nhu cầu khách quan để bảo vệ doanh nghiệp nước ngoài, bảo vệ thị trường mà cũng cần phải bảo vệ cả những người thiết kế cơ chế thử nghiệm chính sách cho những mô hình đó. Trong kết luận số 14-KL/TW về “*Chủ trương khuyến khích và bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo vì lợi ích chung*” ban hành ngày 22/09/2021, Bộ Chính trị đã chỉ ra “*khi cán bộ thực hiện thí điểm mà kết quả không đạt hoặc chỉ đạt được một phần mục tiêu đề ra hoặc gặp rủi ro, xảy ra thiệt hại thì cấp có thẩm quyền phải kịp thời xác định rõ nguyên nhân khách quan, chủ quan, đánh giá công tâm để xem xét, xử lý phù hợp, nếu thực hiện đúng chủ trương, có động cơ trong sáng, vì lợi ích chung thì được xem xét miễn hoặc giảm nhẹ trách nhiệm*”²⁰. Đây là một nguyên tắc tiến bộ, có ý nghĩa trong việc thúc đẩy sáng tạo của quốc gia và cần thiết phải được cụ thể bằng những quy định chi tiết.

¹⁸ Quy định tại Khoản 1, 2 của Điều 9.12 Hiệp định Đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương.

¹⁹ Quy định tại phụ lục 9-I và 10-C Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương.

²⁰ Điểm 2.4, mục 2, Kết luận số 14-KL/TW ngày 22/09/2021 của Bộ Chính trị

2.2. Một số cơ chế thử nghiệm của Việt Nam đối với doanh nghiệp có vốn nước ngoài đã thực hiện trong thực tiễn

Giống như hầu hết các quốc gia hội nhập trên thế giới, Việt Nam cũng đã từng xây dựng cơ chế thử nghiệm chính sách của mình dành cho các doanh nghiệp có vốn nước ngoài. Có thể thấy, Việt Nam hiện đang thu hút lượng lớn vốn đầu tư trực tiếp từ nước ngoài (FDI), sự thu hút đó không ngừng tăng lên theo thời gian²¹, đáng chú ý trong 8 tháng đầu năm 2022, ngành hoạt động chuyên môn khoa học công nghệ xếp thứ 3 về quy mô vốn chỉ sau ngành chế biến chế tạo và kinh doanh bất động sản²². Có thể thấy, với chính sách thu hút đầu tư nước ngoài hấp dẫn, với môi trường kinh doanh tương đối thông thoáng, nhất là có sự ổn định về chính trị - xã hội, Việt Nam đã dần trở thành nơi hội tụ của những “con đại bàng” về công nghệ trên thế giới, và đã là thị trường mới nổi lý tưởng cho các công ty công nghệ nước ngoài đến đầu tư và phát triển thị trường. Tuy vậy, đến nay, Việt Nam vẫn chưa có quy định về cơ chế thử nghiệm thống nhất để đảm bảo cho việc thử nghiệm các mô hình kinh doanh mới thúc đẩy sáng tạo trong khối doanh nghiệp tư nhân cũng như thu hút đầu tư. Cho đến thời điểm tháng 08/2022, Việt Nam chỉ mới ban hành

hai quyết định liên quan đến cơ chế thử nghiệm bao gồm:

(i) Quyết định số 24/QĐ-BGTVT ngày 07/01/2016 của Bộ Giao thông Vận tải để ban hành “*Kế hoạch thí điểm triển khai ứng dụng khoa học công nghệ hỗ trợ quản lý và kết nối hoạt động vận tải hành khách theo hợp đồng*”. Quyết định này nhằm thử nghiệm mô hình kinh tế chia sẻ trong lĩnh vực giao thông vận tải mà cụ thể là dịch vụ GrabTaxi tại Việt Nam.

(ii) Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/06/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “*Chiến lược Phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030*”. Trong quyết định này, Thủ tướng giao Ngân hàng Nhà nước chủ trì đề nghiên cứu, xây dựng và thí điểm sử dụng tiền điện tử dựa trên công nghệ chuỗi khối (blockchain) với thời gian thực hiện là từ năm 2021-2023.

Có thể thấy Quyết định số 24/QĐ-BGTVT là cần thiết đặc biệt trong thời điểm ứng dụng xe công nghệ dần phổ biến tại Việt Nam và trên thế giới. Tuy nhiên, bản thân Quyết định số 24/QĐ-BGTVT cũng có những mặt hạn chế và không thể xem như một cơ chế thử nghiệm đầy đủ và hoàn chỉnh như các quốc gia khác trên thế giới. Sau đây là sự phân tích cụ thể về không gian và thời gian thí điểm:

²¹ Theo Báo cáo tình hình đầu tư trực tiếp nước ngoài năm 2021 của Bộ Kế hoạch & Đầu tư, tổng vốn đăng ký cấp mới, điều chỉnh và góp vốn mua cổ phần, mua phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài trong năm 2021 tăng 9,2% so với cùng kỳ năm 2020

²² Báo VietnamPlus (2022), “Gần 16,8 tỷ USD vốn ngoại đầu tư vào Việt Nam trong 8 tháng”, (<https://www.vietnamplus.vn/gan-168-ty-usd-von-ngoai-dau-tu-vao-viet-nam-trong-8-thang/8-13143.vnp>), [truy cập ngày 28/08/2022]

Đối với không gian thí điểm là phạm vi áp dụng thí điểm theo quyết định Quyết định số 24/QĐ-BGTVT bao gồm 05 tỉnh, thành phố là Hà Nội, Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Khánh Hòa, Quảng Ninh. Đây đều là các thành phố lớn có mật độ giao thông cao đi kèm với tiềm năng về dịch vụ du lịch rất lớn, sẽ dẫn đến việc doanh nghiệp được cho phép thí điểm trong một thời gian dài sẽ dễ dàng chiếm được vị trí thống lĩnh thị trường gây cản trở khó khăn cho các doanh nghiệp khác gia nhập thị trường. Luật Cạnh tranh 2018 quy định doanh nghiệp được coi là có vị trí thống lĩnh thị trường nếu có thị phần từ 30% trở lên trên thị trường liên quan, hoặc có khả năng gây hạn chế cạnh tranh một cách đáng kể²³, theo dữ liệu của Công ty ABI Research, cho đến cuối năm 2020, ứng dụng gọi xe công nghệ Grab đã chiếm gần 75% thị phần gọi xe công nghệ tại Việt Nam²⁴. Như vậy, mặc dù vị trí thống lĩnh của doanh nghiệp kinh doanh ứng dụng gọi xe công nghệ Grab đạt được từ nhiều lý do khác như quy mô vốn đầu tư, phần tăng công nghệ nhưng phạm vi áp dụng thí điểm quá rộng của Grab đã tạo cho doanh nghiệp này lợi thế không nhỏ trong việc chiếm lĩnh thị trường. Ảnh hưởng

của lợi thế này kéo dài đến nay khi có sự gia nhập thị trường của hai ứng dụng gọi xe công nghệ khác là Gojek và Be, nhưng vẫn không thể vượt qua được Grab cho chi phí gia nhập thị trường quá lớn.

Đối với thời gian thí điểm của Quyết định số 24/QĐ-BGTVT kéo dài quá lâu, theo quy định là trong 02 năm (từ tháng 01/2016 đến tháng 01/2018) nhưng thực tế là đến ngày 01/04/2020 thì Bộ Giao thông Vận tải mới dừng thí điểm để thực hiện Nghị định 10/2020/NĐ-CP quy định về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô. Thời gian của cơ chế thử nghiệm dài hơn 4 năm tạo ra lợi thế kinh doanh vượt trội cho ứng dụng gọi xe Grab so với các đơn vị kinh doanh dịch vụ vận tải truyền thống khác nhưng cơ quan quản lý không kịp nhận thức về bản chất của mô hình kinh doanh để kịp thời ban hành các văn bản quy phạm pháp luật. Điều này dẫn đến rất nhiều vấn đề phát sinh mà cụ thể là kiến nghị của doanh nghiệp taxi truyền thống là Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh²⁵ về các vấn đề liên quan đến hoạt động của các công ty cung cấp ứng dụng gọi xe công nghệ và vụ Công ty Cổ phần Ánh Dương Việt Nam (Vinasun) kiện Công ty TNHH Grab²⁶. Phát sinh những

²³ Khoản 1, điều 24 Luật cạnh tranh năm 2018 số 23/2018/QH14

²⁴ ABI Research (2020), “Ride hailing trips fall by 59% in 1H 2020; new vehicle sales expected to drop by 26% in 2020”, (<https://www.abiresearch.com/press/implosion-demand-personal-mobility-collapses-new-vehicle-sales-and-ride-hailing-trips-2020/>), [truy cập ngày 20/07/2022]

²⁵ Văn bản số 56/2017/MLG-QHCD ngày 06/6/2017 của Công ty cổ phần Tập đoàn Mai Linh gửi Bộ Giao thông Vận tải.

²⁶ Bản án số 05/2020/KDTM-PT ngày 10/03/2020 của Tòa án Nhân dân Cấp cao tại TP Hồ Chí Minh và Bản án số 1910/2018/KDTM-ST ngày 28/12/2018 của Tòa án Nhân dân TP Hồ Chí Minh.

sự việc như thế này trước hết sẽ bóp méo tính công bằng trong môi trường kinh doanh tại Việt Nam, sau nữa sẽ ảnh hưởng đến việc thu hút đầu tư của quốc gia.

Một mô hình kinh doanh khác đã xuất hiện từ lâu tại Việt Nam là cho vay ngang hàng (peer to peer lending) thực tế đã hoạt động tại Việt Nam để thời điểm tháng 05/2022 khoảng 200 công ty²⁷. P2P Lending đều được hiểu chung là hoạt động dựa trên nền tảng công nghệ tài chính được thiết kế và xây dựng trên nền tảng giao dịch trực tuyến kết nối trực tiếp giữa người đi vay và người cho vay mà không thông qua các trung gian tài chính như tổ chức tín dụng²⁸. Việc cho vay ngang hàng hiện nay đa phần đều thông qua các ứng dụng trên nền tảng Internet và rất nhiều trong số các pháp nhân sở hữu các ứng dụng này là pháp nhân có trụ sở tại nước ngoài. Bản chất của mô hình kinh doanh này mang nhiều ưu điểm tạo cơ hội để cho cá nhân, hoặc doanh nghiệp có nhu cầu Tiếp cận được nguồn vốn trực tiếp, đặc biệt là với các món vay nhỏ, ngắn hạn của các doanh nghiệp vừa và nhỏ gặp khó khăn trong việc tiếp cận nguồn vốn chính thức, cũng như đáp ứng nhu cầu vay nhanh hơn do thủ tục, quy trình đơn giản hơn so với vay tiêu dùng

thông thường²⁹. Tuy nhiên, mô hình cho vay ngang hàng cũng chứa đựng nhiều rủi ro như kiểm soát thông tin, dữ liệu của các bên, phát sinh khó khăn trong việc thu hồi nợ và lợi nhuận cũng như hoàn toàn có thể trở thành kênh tín dụng trái phép. Hiện nay, Việt Nam hiện chưa có khung pháp lý cho mô hình này và Ngân hàng Nhà nước đã công bố lấy ý kiến về Dự thảo Nghị định quy định Cơ chế thử nghiệm có kiểm soát hoạt động công nghệ tài chính trong lĩnh vực ngân hàng.

Từ những dẫn chứng trên cho thấy, Việt Nam rất cần có một sự đổi mới, sáng tạo về hoàn thiện thể chế, thiết kế chính sách và tạo dựng môi trường thuận lợi cho việc thực hiện cơ chế thử nghiệm, nhất là thể nghiệm chính sách nhằm tạo ra những chính sách phù hợp cho sự phát triển của thực tiễn.

III. Một số kiến nghị tăng cường tính hiệu quả của cơ chế thử nghiệm chính sách áp dụng đối với những doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài

Thông qua những phân tích về thực trạng cơ sở pháp lý và việc xây dựng, áp dụng cơ chế thử nghiệm chính sách, các cơ quan chức năng cần tiếp tục nghiên cứu và hoàn thiện các quy định pháp luật cho mô hình cơ chế thử nghiệm chính

²⁷ Tạp chí tài chính (2022), “Đưa “vay ngang hàng” vào khuôn khổ”, <https://tapchitaichinh.vn/ngan-hang/dua-vay-ngang-hang-vao-khuon-kho-348185.html> (truy cập ngày 13/07/2022).

²⁸ Bùi Tín Nghị, Nguyễn Thị Thái Hưng, Trần Hải Yến, Đào Mỹ Hằng, Nguyễn Thị Vân (2021). “Cho vay ngang hàng: Kinh nghiệm quản lý tại một số quốc gia và bài học đối với Việt Nam”. Tạp chí Tài chính và Ngân hàng quốc tế số 24-2021, tr. 40-43.

²⁹ Cần Văn Lực, Phạm Thị Hạnh, Lại Thị Thanh Loan (2022). “Cho vay ngang hàng - Phương thức tiếp cận vốn mới cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trong tương lai”. Tạp chí Ngân hàng. – số 07-2022, tr. 45-52.

sách nhằm thu hút nguồn vốn đầu tư tại nước ngoài đặc biệt trong lĩnh vực công nghệ trong bối cảnh Việt Nam đang đặt mục tiêu trở thành một quốc gia chuyển đổi số. Muốn như vậy, sự đổi mới và phối hợp không chỉ đến từ phía các cơ quan Nhà nước mà còn phải đến từ phía các doanh nghiệp, nhà đầu tư nước ngoài trong việc trao đổi và cung cấp thông tin. Từ nghiên cứu của mình, tác giả có một số gợi ý cho Việt Nam trong việc xây dựng chính sách pháp luật đối với cơ chế thử nghiệm chính sách như sau:

Thứ nhất, cần tăng cường nhận thức và thay đổi tư duy quản lý của cơ quan Nhà nước đối với các mô hình kinh doanh mới. Từ điển hình Grab nêu trên, có thể nhận thấy vấn đề phát sinh một phần từ sự lúng túng dẫn đến chậm trễ trong việc ban hành quy định đối với loại hình ứng dụng gọi xe công nghệ. Từ đó, có thể thấy rằng cơ quan Nhà nước cần thường xuyên cập nhật và đưa ra dự đoán đối với các xu hướng kinh doanh, công nghệ mới của thế giới sẽ được các nhà đầu tư đưa vào thực hiện tại Việt Nam. Thực tế cho thấy, hầu hết các xu hướng kinh doanh và công nghệ mới của thế giới và khu vực sẽ xuất hiện tại Việt Nam với thời gian ngày càng ngắn hơn do sự hội nhập kinh tế ngày càng sâu rộng. Thời điểm Uber bắt đầu kinh doanh tại Hoa Kỳ vào năm 2010, triển khai tại Việt Nam vào năm 2014, đến năm 2016 mới tiến hành thí điểm với dịch vụ gọi xe công nghệ của Grab và đến năm 2020 mới ban hành Nghị định quy định về kinh doanh và điều kiện

kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, như vậy, tốc độ phản ứng của chính sách đối với ứng dụng gọi xe công nghệ là chậm trễ. Thêm vào đó, quyết định 999/QĐ-TTg chỉ bao hàm các mô hình kinh doanh mới từ kinh tế chia sẻ nhưng trong thực tiễn rất nhiều mô hình kinh doanh có nền tảng công nghệ nhưng không đến từ kinh tế chia sẻ ví dụ như xe tự hành, thậm chí có cả các mô hình kinh doanh ít dựa trên nền tảng công nghệ, như mô hình trải nghiệm (The Experience Model). Do đó, cần mở rộng quan điểm của cơ quan Nhà nước Việt Nam đối với mô hình cơ chế thử nghiệm chính sách.

Thứ hai, đảm bảo nguyên tắc đối xử công bằng và thỏa đáng đối với nhà đầu tư nước ngoài khi xây dựng cơ chế thử nghiệm. Trong vụ Công ty năng lượng LG&E kiện Chính phủ Argentina³⁰, Hội đồng trọng tài thừa nhận một trong những nội dung cơ bản của nguyên tắc FET đó là sự ổn định môi trường pháp lý và môi trường kinh doanh, an toàn, minh bạch và công bằng nhằm tăng cường, thu hút đầu tư nước ngoài. Sự thất bại trong việc mô hình hóa để đưa ra các quy định điều chỉnh hoạt động của mô hình kinh doanh mới của một nhà đầu tư có thể dẫn đến việc thay đổi chính sách sau đó khiến cho nhà đầu tư bị thiệt hại thì quốc gia tiếp nhận đầu tư có thể đối mặt với một vụ kiện, hoặc giảm sút về mặt uy tín trong việc thu hút đầu tư. Ngoài ra, việc thiết kế các mô hình thử nghiệm chính sách cũng phải đảm bảo tính công bằng với giữa các nhà đầu tư với nhau.

³⁰ Vụ kiện tại ICSID số số ARB/02/1.

Thứ ba, cần xây dựng các mô hình thử nghiệm chính sách hài hòa, đảm bảo quyền lợi của nhà đầu tư nước ngoài và doanh nghiệp Việt Nam và bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo trong thực hiện cơ chế thử nghiệm chính sách. Kể từ đề án 1851³¹, Việt Nam ưu tiên tiếp nhận các công nghệ từ nước ngoài vào Việt Nam, đặc biệt là các công nghệ nguồn, công nghệ cao, công nghệ nền tảng. Việc cơ quan Nhà nước cần mạnh dạn xây dựng và giám sát việc thực hiện các cơ chế thử nghiệm cho các mô hình kinh doanh kiểu mới dựa trên nền tảng công nghệ cũng không nằm ngoài nội hàm của đề án 1851. Tuy nhiên, nếu dành quá nhiều sự ưu tiên cho các doanh nghiệp công nghệ nước ngoài, nhất là các doanh nghiệp xuyên biên giới thì sẽ dễ dàng gây ra tình trạng bảo hộ ngược³². Như vậy, cần thiết phải đặt ra nguyên tắc cân đối lợi ích và thiệt hại trong việc cho phép một mô hình kinh doanh thử nghiệm tại Việt Nam và tác động của mô hình kinh doanh mới đó đối với mô hình kinh doanh truyền thống trong nước mà tác động của các ứng dụng gọi xe công nghệ đến dịch vụ taxi truyền thống đã là một điển hình. Để cơ quan nhà nước tích cực và mạnh dạn trong việc đưa ra các mô hình thử nghiệm chính sách, một mặt, cần đưa ra các quy định cụ thể và chi tiết để bảo vệ các cán

bộ dám nghĩ và dám làm với động cơ tích cực trong việc thiết kế và giám sát các mô hình thử nghiệm chính sách theo tinh thần của kết luận số 14-KL/TW của Bộ Chính trị; mặt khác, Nhà nước cũng cần phải đề ra biện pháp chế tài phù hợp để khắc phục tình trạng tắc trách, đùn đẩy trách nhiệm của không ít cán bộ do lo ngại rủi ro, do sợ liên đới trong khi tiến hành áp dụng cơ chế thử nghiệm.

Thứ tư, ứng xử với dữ liệu người dùng (user data) như một dạng tài nguyên. Cùng với sự phát triển của công nghệ, dữ liệu người dùng trở thành một loại tài sản có giá trị của doanh nghiệp và của cả quốc gia. Các siêu ứng dụng khai thác rất hiệu quả dữ liệu người dùng và có thể ứng dụng chúng cho nhiều mục đích khác nhau và trong số đó, có nhiều mục đích không thể kiểm soát và không thể đánh giá lợi ích thiệt hại. Tuy nhiên, khi Nhà nước cho phép các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài xử dụng dữ liệu người dùng Việt Nam cần phải chú trọng đến khía cạnh quản trị rủi ro về quyết định này. Một khi Chính phủ quan tâm thích đáng đến việc nhận dạng, phân tích, kiểm soát và tài trợ rủi ro trong ứng xử dữ liệu người dùng sẽ không chỉ tạo ra điều kiện thuận lợi để ra đời khung pháp lý phù hợp cho thử nghiệm chính sách, mà còn tạo ra rào chắn hiệu quả để

³¹ Quyết định số 1851/QĐ-TTg ngày 27/12/2018 về việc phê duyệt Đề án "Thúc đẩy chuyển giao, làm chủ và phát triển công nghệ từ nước ngoài vào Việt Nam trong các ngành, lĩnh vực ưu tiên giai đoạn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030".

³² VnEconomy (2019), "Bộ trưởng Nguyễn Mạnh Hùng: Không kéo dài tình trạng "bảo hộ ngược"", <https://vneconomy.vn/bo-truong-nguyen-manh-hung-khong-keo-dai-tinh-trang-bao-ho-nguoc.htm> (truy cập ngày 16/07/2022).

phòng tránh doanh nghiệp nước ngoài lợi dụng dữ liệu người dùng có thể gây ra bất lợi cho người dùng Việt Nam. Thực tế cho thấy, tình trạng chảy máu dữ liệu (bleeding data) xảy ra khi không có sự minh bạch trong việc sử dụng dữ liệu, quá trình truyền dữ liệu diễn ra mà không có sự cho phép rõ ràng nào của người dùng³³. Việt Nam hiện nay đang đối mặt với hai tình trạng chính: (i) không kiểm soát và bảo vệ được dữ liệu người dùng trong nước từ các doanh nghiệp công nghệ nước ngoài hoạt động trong nước, hoặc cung cấp dịch vụ xuyên biên giới và (ii) không có công cụ để khai thác dữ liệu. Vì lẽ đó, cần đặt ra yêu cầu đối với pháp luật để xây dựng các chính sách phù hợp nhằm đáp ứng nhu cầu khai thác, quản lý và bảo vệ dữ liệu người dùng quốc gia.

Thứ năm, tăng cường đối thoại, trao đổi thông tin giữa cơ quan Nhà nước và

nhà đầu tư nước ngoài có như cầu thử nghiệm mô hình kinh doanh mới. Đối thoại với nhà đầu tư nước ngoài nhất thiết phải được thực hiện ở mọi cấp độ chính quyền để tìm hiểu nguyện vọng cũng như kỳ vọng chính đáng của nhà đầu tư nước ngoài và sự chủ động cần phải xuất phát từ phía cơ quan nhà nước vì suy cho cùng chính sách đáp ứng được đầy đủ nguyện vọng cũng như kỳ vọng chính đáng của nhà đầu tư nước ngoài thì quốc gia sẽ có lợi ích về kinh tế cũng như hình ảnh trong việc thu hút đầu tư. Ở chiều ngược lại, nhà đầu tư nước ngoài cũng cần phải tăng cường trao đổi thông tin, đối thoại với cơ quan nhà nước để cơ quan Nhà nước có thể nắm bắt và hiểu rõ về mô hình kinh doanh mới từ đó mới có thể thiết kế và ứng dụng các cơ chế thử nghiệm chính sách cho phù hợp./.

³³ Siapka, A. and Biasin, E. (2021). “Bleeding data: the case of fertility and menstruation tracking apps.” Internet Policy Review,10(4), <https://policyreview.info/articles/analysis/bleeding-data-case-fertility-and-menstruation-tracking-apps> (truy cập 10/08 2022).

Tài liệu tham khảo

1. Ahern, Deirdre M (2020). “*Regulators Nurturing FinTech Innovation: Global Evolution of the Regulatory Sandbox as Opportunity Based Regulation*”. European Banking Institute Working Paper Series – số. 60’.
2. Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2021). *Báo cáo tình hình đầu tư trực tiếp nước ngoài năm 2021*.
3. “Bộ trưởng Nguyễn Mạnh Hùng: Không kéo dài tình trạng bảo hộ ngược”. VnEconomy (2019), <https://vneconomy.vn/bo-truong-nguyen-manh-hung-khong-keo-dai-tinh-trang-bao-ho-nguoc.htm>.
4. Bùi Tín Nghị, Nguyễn Thị Thái Hưng, Trần Hải Yến, Đào Mỹ Hằng, Nguyễn Thị Vân (2021). “*Cho vay ngang hàng: Kinh nghiệm quản lý tại một số quốc gia và bài học đối với Việt Nam*”. Tạp chí Tài chính và Ngân hàng quốc tế số 24-2021, tr. 40-43.

5. Bromberg, Lev; Godwin, Andrew; Ramsay, Ian (2017). “*Fintech Sandboxes: Achieving a Balance between Regulation and Innovation*”. Journal of Banking and Finance Law and Practice, Vol.28, No. 4, tr. 314-336.
6. Chamila S Tagalaga (2009). “*The Scope of the doctrine of Legitimate Expectation as a ground of Jussdical review of Aministrative action*”. The Bar Association Law Journal, Vol. XV – 2009.
7. Chính phủ (2020). *Quy định về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô*. Nghị định số 10/2020/NĐ-CP
8. Chính phủ (2018). *Phê duyệt Đề án “Thúc đẩy chuyển giao, làm chủ và phát triển công nghệ từ nước ngoài vào Việt Nam trong các ngành, lĩnh vực ưu tiên giai đoạn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”*. Quyết định số 1851/QĐ-TTg, ngày 27/12.
9. Chu Thị Hoa (2019). “*Sandbox - cơ chế thử nghiệm áp dụng trong phạm vi hạn chế - kinh nghiệm quốc tế và một số gợi ý cho Việt Nam*”. Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp số 16 (391).
10. Công ty cổ phần Tập đoàn Mai Linh (2017). Văn bản số 56/2017/MLG-QHCD gửi Bộ Giao thông Vận tải, ngày 6/6.
11. Financial Conduct Authority (2017). “*Regulatory Sandbox Lessons Learned Report*”. www.fca.org.uk/publication/research-and-data/regulatory-sandbox-lessons-learned-report.pdf
12. *Hiệp định Đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP)*.
13. Hilary J. Allen (2019). “*Regulatory sanboxes*”. George Washington Law Review, Vol 87 No 3, tr. 579.
14. Ngân hàng Thế giới (2020). “*Global Experiences from Regulatory Sandboxes*”. Fintech Note, No. 8. <https://openknowledge.worldbank.org/handle/10986/34789>.
15. Nogal-Meger, P. (2018). “*The quality of business legal environment and its relation with business freedom*”. International Journal of Contemporary Management, 2018 (Số 17 (2)), tr. 111-136.
16. Quốc hội (2018). *Luật cạnh tranh 2018*. Số 23/2018/QH14.
17. Quốc hội (2020). *Luật đầu tư*. Số 61/2020/QH14.
18. Quốc hội (2020). *Luật doanh nghiệp*. Số 59/2020/QH14.
19. Siapka, A. and Biasin, E. (2021). “*Bleeding data: the case of fertility and menstruation tracking apps*”. Internet Policy Review, 10(4). <https://policyreview.info/articles/analysis/bleeding-data-case-fertility-and-menstruation-tracking-apps>.
20. Tòa án Nhân dân Cấp cao tại TP Hồ Chí Minh (2020). *Bản án số 05/2020/KDTM-PT*, ngày 10/3.
21. Tòa án Nhân dân TP Hồ Chí Minh (2018). *Bản án số 1910/2018/KDTM-ST*, ngày 28/12.
22. Trung tâm giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế (ICSID). *Vụ kiện số ARB/02/1*.
23. Trung tâm giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế (ICSID). *Vụ kiện số ARB/07/16*.